

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học VinUni
 2. Mã trường: VIN
 3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://vinuni.edu.vn/>; Trang thông tin tuyển sinh của Trường: <https://vinuni.edu.vn/admissions/>
 5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): Trang Facebook của Trường: <https://www.facebook.com/vinuniversity> và: <https://web.facebook.com/tuyensinhvinuni>
 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 1800 8189
 7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp: Trường Đại học VinUni đã có sinh viên tốt nghiệp vào tháng 6/2024 và đang trong quá trình thu thập dữ liệu về việc làm của Sinh viên.
 8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia):
 - Nhà trường không lấy kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển.
- Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://vinuni.edu.vn/admissions/>
- 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: xét tuyển.
 - 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất: Nhà trường không lấy kết quả của kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển.
9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: [Academic Catalogs - VinUni Policy](#)



TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Quản trị kinh doanh	7340101	1211/QĐ-BGDĐT	18/05/2020	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2020	2023
2.	Y khoa	7720101	1212/QĐ-BGDĐT	18/05/2020	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2020	2023
3.	Điều dưỡng	7720301	1520/QĐ-BGDĐT	11/6/2020	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2020	2023
4	Khoa học máy tính	7480101	1521/QĐ-BGDĐT	11/6/2020	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2020	2023
5	Kỹ thuật cơ khí	7520103	2444/QĐ-BGDĐT	26/08/2020	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2020	2023
6	Kỹ thuật điện	7520201	2445/QĐ-BGDĐT	26/08/2020	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2020	2023
7	Kinh tế	7310101	687/QĐ-BGDĐT	01/03/2024	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2024	2024
8	Tâm lý học	7310401	688/QĐ-BGDĐT	01/03/2024	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2024	2024
9	Truyền thông đa phương tiện	7320104	1860/QĐ-BGDĐT	03/07/2024	Không có	Không có	Bộ GD&ĐT	2024	2024
10	Khoa học dữ liệu	7460108	Đang cập nhật						

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

https://vinuni.edu.vn/public_announcement/

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://vinuni.edu.vn/admission-scheme/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo¹ trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://policy.vinuni.edu.vn/>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: không có.

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: không có.

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy đại học

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.

2. Phạm vi tuyển sinh.

- Việt Nam và nước ngoài.

3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

- Xét tuyển kết hợp phỏng vấn đánh giá năng lực, không sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.
- Cụ thể: Sơ tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT và các thành tích học tập, ngoại khóa nổi bật của thí sinh, kết hợp với phỏng vấn đánh giá năng lực để xét trúng tuyển.
- Thí sinh được xét tuyển chỉ được công nhận trúng tuyển chính thức và đủ điều kiện làm thủ tục nhập học khi đã có bằng hoặc quyết định tốt nghiệp THPT hợp lệ.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Chính quy đại học	7340101	Quản trị kinh doanh		Xét tuyển theo tiêu chí của VinUni	120	Không xét tổ hợp môn							
2	Chính quy đại học	7520201	Kỹ thuật Điện		Xét tuyển theo tiêu	80	Không xét tổ hợp môn							

	Chính quy đại học				chỉ của VinUni		
3	Chính quy đại học	7520103	Kỹ thuật Cơ khí		Xét tuyển theo tiêu chí của VinUni	96	Không xét tổ hợp môn
4	Chính quy đại học	7480101	Khoa học Máy tính		Xét tuyển theo tiêu chí của VinUni	100	Không xét tổ hợp môn
5	Chính quy đại học	7720101	Y khoa		Xét tuyển theo tiêu chí của VinUni	60	Không xét tổ hợp môn
6	Chính quy đại học	7720301	Điều dưỡng		Xét tuyển theo tiêu chí của VinUni	60	Không xét tổ hợp môn
7	Chính quy đại học	7310101	Kinh tế		Xét tuyển theo tiêu chí của VinUni	30	Không xét tổ hợp môn
8	Chính quy đại học	7310401	Tâm lý học		Xét tuyển theo tiêu chí của VinUni	50	Không xét tổ hợp môn
9	Chính quy đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện		Xét tuyển theo tiêu chí của VinUni	60	Không xét tổ hợp môn
10	Chính quy đại học	7460108	Khoa học dữ liệu		Xét tuyển theo tiêu	50	Không xét tổ hợp môn

	Chính quy đại học				chí của VinUni		
--	-------------------	--	--	--	----------------	--	--

5. Ngưỡng đầu vào.

Quá trình sơ tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như sau:

- Đối với các ngành thuộc nhóm ngành sức khỏe (Y khoa và Điều dưỡng), ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với các ngành còn lại: kết quả học tập năm lớp 10 và 11 đạt học lực từ loại khá trở lên. (Đối với các chương trình Tú tài quốc tế - IB; A level .v.v thì quy đổi tương đương)

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- **Mã số trường: VIN**
- Trường Đại học VinUni có định hướng là nơi đào tạo nhân tài của tương lai theo 3 dòng sự nghiệp chính sau:
 - **Doanh nhân xuất sắc:** khởi nghiệp và kiến tạo các sản phẩm dịch vụ, thương hiệu đẳng cấp được xã hội tin dùng và công nhận trên trường quốc tế;
 - **Nhà khoa học tâm vóc:** có các phát minh sáng chế mang tính đột phá, dẫn dắt đối với sự phát triển khoa học công nghệ, kinh tế xã hội, sức khỏe cộng đồng... mang lại giá trị tích cực cho cuộc sống nhân loại và được giới khoa học thế giới công nhận;
 - **Chuyên gia đầu ngành:** sở hữu kỹ năng vượt trội, hiếm có trong lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học sức khỏe, kinh doanh quản lý... được các doanh nghiệp, tổ chức xã hội uy tín trong và ngoài nước tìm kiếm, chiêu mộ và trọng dụng.

Theo đó, khi tuyển sinh, Trường Đại học VinUni tìm kiếm những tài năng có tố chất vượt trội, tư duy sáng tạo và mong muốn mãnh liệt kiến tạo nên những ý tưởng, công trình, sản phẩm xuất sắc, nhằm mang lại các giá trị tốt đẹp cho cuộc sống, con người. Trường xét tuyển dựa trên các nhóm tiêu chí AACC, cụ thể như sau:

- **Có tố chất thông minh vượt trội (Outstanding Ability – A):**

- Là tố chất được thí sinh thể hiện qua thành tích học tập, khả năng tính toán, xử lý thông tin, khả năng sử dụng ngôn ngữ và trí tưởng tượng...
- Cụ thể thí sinh cần có học lực giỏi, xuất sắc hoặc có tiềm năng phát triển vượt bậc. Ưu tiên các học sinh có thành tích, giải thưởng cấp quốc gia/quốc tế hoặc có tài năng /năng lực đặc biệt trong các lĩnh vực: Khoa học kỹ thuật, Công nghệ thông tin, Khoa học sức khỏe và Khoa học xã hội, thể thao, nghệ thuật, lãnh đạo. Thí sinh cần có năng lực tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu cụ thể của chương trình đào tạo.

- **Có tâm trong nhận thức (Aspiration – A):**

- Là tiêu chí liên quan đến sự quan tâm của thí sinh đến các vấn đề lớn của cộng đồng, xã hội, Việt nam, thế giới... và có khát vọng mãnh liệt tìm cách giải quyết các vấn đề đó;
- Cụ thể thí sinh thể hiện mình có ước mơ thay đổi cuộc sống của chính mình và người xung quanh, vươn lên mạnh mẽ thoát khỏi hoàn cảnh đói nghèo hoặc tạo ra những cơ hội lớn chưa từng có cho xã hội hoặc có tâm hồn nhân ái, tham gia dẫn dắt các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng

hoặc biết cách gây ảnh hưởng thuyết phục người khác giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn... Các ước mơ khát vọng có thể già dặn hơn so với bạn bè cùng trang lứa.

- **Sáng tạo trong cách nghĩ (Creativity – C):**

- Là tiêu chí liên quan đến khả năng có các tư duy khác biệt, tò mò tìm hiểu tận gốc vấn đề, chấp nhận mạo hiểm, có khả năng xoay xở và thích ứng với thay đổi, cởi mở với các ý tưởng và cách giải quyết mới chưa từng có trước đây;

- Cụ thể thí sinh thể hiện mình có cách suy nghĩ khác biệt, có cách giải quyết vấn đề khác biệt hoặc có trí tò mò, biết đặt câu hỏi, biết chủ động khám phá, không đơn giản máy móc dựa vào các câu trả lời mẫu hoặc có tư duy mạch lạc, trình bày vấn đề rõ ràng, biết bảo vệ chính kiến một cách logic và khách quan.

- **Quyết tâm cam kết mãnh liệt trong hành động (Commitment – C):**

- Là tiêu chí liên quan đến khả năng có niềm tin sâu sắc ở việc mình làm và khả năng mình sẽ làm được, có ý chí kiên định và khả năng tập trung cao độ cả trí lực, thể lực để theo đuổi đến cùng vấn đề mình quan tâm. Sẵn sàng tự thử nghiệm và thuyết phục người khác cùng thử nghiệm;

- Cụ thể thí sinh thể hiện đức tính kiên cường, quyết tâm, không sẵn sàng bỏ cuộc ngay cả với các mục tiêu rất khó khăn hoặc giữ uy tín với những điều mình đã nói, cam kết làm cho bằng được những gì mình đã hứa hoặc sẵn sàng tập trung hết sức mình để thực hiện mục tiêu hoặc lời hứa, luôn cố gắng hết mình, tìm mọi con đường xoay xở để đạt kết quả tốt nhất trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào.

7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

Kế hoạch tuyển sinh

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các đợt thông báo trên website của Trường.
- Thời gian nhận hồ sơ: 15/10/2024 – 15/08/2024 (có thể kết thúc sớm hơn nếu đã đủ chỉ tiêu), theo 3 đợt trong năm:
 - Kỳ Early Round (Kỳ Tuyển sinh sớm): từ ngày 15/10/2023 – 15/01/2024
 - Kỳ Regular Round (Kỳ Tuyển sinh thường): từ ngày 15/02 – 15/05/2024
 - Kỳ Rolling Round (Kỳ tuyển sinh cuốn chiếu): từ ngày 15/06 – 15/08/2024
- Thời gian phỏng vấn (dự kiến): theo hình thức cuốn chiếu đến 30/8/2024
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: dự kiến trước ngày 19/8/2024.
- Thời gian thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học: dự kiến trước ngày 30/8/2024.
- Xét tuyển bổ sung: trong tháng 9/2024

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học phải nộp bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi THPT.

Bộ hồ sơ xét tuyển

- Thí sinh điền đầy đủ nội dung đơn đăng kí đăng kí trực tuyến trên trang Tuyển sinh của VinUni
- Chỉ những hồ sơ nộp qua Hồ sơ trực tuyến trên trang Tuyển sinh của VinUni <https://vinuni.force.com> mới được chấp nhận.
- Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký xét tuyển. Trường Đại học VinUni có thể từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong hồ sơ đăng ký xét tuyển với hồ sơ gốc.

Yêu cầu trình độ tiếng Anh theo học tại VinUni



- Thí sinh cần đạt các tiêu chuẩn về năng lực tiếng Anh theo yêu cầu của từng ngành đào tạo khi nhập học chính thức.

8. Chính sách ưu tiên: theo quy chế tuyển sinh hiện hành của VinUni.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

Mức phí 2.000.000 đồng/lần/ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển (thí sinh có thể được MIỄN PHÍ xét tuyển hồ sơ theo từng đợt tuyển sinh, và theo chính sách của Nhà trường).

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Học phí áp dụng cho năm học 2024-2025:
- Đối với Chương trình Cử nhân Điều dưỡng: 349.650.000 đồng/năm.
- Đối với Chương trình Cử nhân khác: 815.850.000 đồng/năm.

11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- Theo khoảng thời gian nhận hồ sơ tuyển sinh: trước 30/8/2024.
- Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: tháng 9 đến tháng 12/2024.

12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Trường Đại học VinUni cam kết thực hiện công tác tuyển sinh một cách công bằng, hợp pháp và đảm bảo quyền lợi cao nhất của thí sinh. Trong các trường hợp xảy ra các tình huống đặc biệt sẽ tuân thủ và giải quyết theo Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và các quy định pháp luật liên quan hiện hành.
- Đối với các tình huống thí sinh có khiếu nại, thắc mắc: Ban Giám hiệu, Hội đồng tuyển sinh của nhà trường sẵn sàng đối thoại trực tiếp và giải quyết để đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh dự tuyển vào trường.

13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: không có

14. Tài chính:

14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường; 615.842.081.068VNĐ

14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 842.000.000VNĐ/sinh viên.

15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- **Ngôn ngữ đào tạo:** Tiếng Anh
- **Nhập học**
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn do trường quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được hiểu là từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác.
- **Chính sách học bổng**



- Tất cả sinh viên trúng tuyển sẽ được hỗ trợ ít nhất 35% học phí niên yết, trong thời gian học tập chính thức và áp dụng theo các quy định hiện hành tại trường.
- Các loại học bổng và hỗ trợ tài chính bao gồm:
 - Học bổng Tài năng: bao gồm Học bổng Toàn phần (100% học phí và sinh hoạt phí); Học bổng các mức từ 50% đến 100% học phí.
 - Hỗ trợ tài chính: các mức từ 50% đến 100% học phí tùy chương trình đào tạo.
 - Thí sinh tham khảo các quy định liên quan tại cổng thông tin chính thức của Trường.

Trên đây là Đề án tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học VinUni, trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, Trường Đại học VinUni sẽ có phương án điều chỉnh phù hợp và công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Trường.

Cán bộ kê khai

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)



Nguyễn Thị Hồng Thái

Số điện thoại: 0913553685

Email: thai.nth@vinuni.edu.vn

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GS.BS. David Bangsberg

Hiệu trưởng Trường Đại học VinUni

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực Công nghệ thông tin		
1.1.1	Ngành Khoa học máy tính	9480101	6
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực Công nghệ thông tin		
2.1.1	Ngành Quản lý Công nghệ Thông tin	8480204	0
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	320
3.1.2	Y khoa	7720101	208
3.1.3	Điều dưỡng	7720301	42
3.1.4	Khoa học máy tính	7480101	137
3.1.5	Kỹ thuật cơ khí	7520103	43
3.1.6	Kỹ thuật điện	7520201	59
3.1.7	Kinh tế	7310101	10
3.1.8	Tâm lý học	7310401	25

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất trường: 226,828 (~23 héc-ta)
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 376
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 99,32 m²/SV

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
----	------------	----------	--

1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	84	14559
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1870
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	279
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	1	120
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	980
1.5	Số phòng học đa phương tiện	12	2970
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	59	8340
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	3270
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	4	10906
	Tổng	173	43294

2.2 Các thông tin khác:

3. Danh sách giảng viên:

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian:

Stt	Họ và Tên	Chức danh Khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1	Bangsberg David Roy	Giáo sư	Tiến sĩ	Y Khoa	Bác sĩ Y Khoa
2	Lê Cự Linh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y tế công cộng	Bác sĩ Y Khoa
3	Phuoc Le Van	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y Khoa	Bác sĩ Y Khoa
4	Nguyễn Hoàng Long	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Điều dưỡng	Điều dưỡng
5	Nguyễn Thị Tuyết		Tiến sĩ	Y Khoa	Bác sĩ Y Khoa
6	Lê Khắc Linh		Tiến sĩ	Nhi khoa	Bác sĩ Y Khoa
7	Nguyễn Thị Hoa Huyền	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Điều Dưỡng	Điều Dưỡng
8	Thành Ngọc Tiến		Bác sĩ	Cao học Nội khoa	Điều dưỡng
9	Huỳnh Đình Chiến	Giáo sư	Tiến sĩ	Y khoa	Bác sĩ Y Khoa
10	Hoàng Lan Vân		Tiến sĩ	Điều dưỡng	Điều dưỡng
11	Nguyễn Thị Nhung		Tiến sĩ	Y khoa toàn cầu - Khoa sinh lý	Bác sĩ Y Khoa
12	Pranee Liamputtong	Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học xã hội	Bác sĩ Y Khoa
13	Andrew William Taylor - Robinson	Giáo sư	Tiến sĩ	Vi sinh & Miễn dịch học	Bác sĩ Y Khoa
14	Trần Lê Đình Duy		Bác sĩ	Y học	Bác sĩ Y Khoa
15	Đặng Kim Khuê		Bác sĩ	Bác sĩ nội trú ngoại khoa	Bác sĩ nội trú ngoại khoa

16	Giáp Thị Thanh Tinh		Tiến sĩ	Điều dưỡng	Điều dưỡng
17	Liew Siaw Cheok		Bác sĩ	Y khoa	Bác sĩ Y Khoa
18	Bùi Thị Thanh Huyền	Trợ lý giáo sư	Bác sĩ	Chăm sóc giảm nhẹ Nhi khoa	Bác sĩ nội trú Nhi khoa
19	Roshan Peiris	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Giải phẫu và Nhân học	Bác sĩ Y Khoa
20	Mayne Jeffrey David	Trợ lý giáo sư	Bác sĩ	Y khoa	Bác sĩ Y Khoa
21	Trương Nguyễn Xuân Quỳnh		Tiến sĩ	Y tế công cộng	Bác sĩ Y Khoa
22	Nguyễn Thị Thúy Nga		Thạc sĩ	Điều dưỡng	Điều dưỡng
23	Nguyễn Khánh Chi		Bác sĩ	Bác sĩ nội trú chấn thương chỉnh hình	Bác sĩ nội trú chấn thương chỉnh hình
24	Nguyễn Ngọc Thanh Tú		Tiến sĩ	Y học và Dược phẩm	Bác sĩ Y Khoa
25	Moss William James		Bác sĩ	Tai mũi họng	Bác sĩ Y Khoa
26	Trachoo Objoon	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học y sinh	Bác sĩ Y Khoa
27	Phạm Thanh Tùng	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Dịch tễ học/Sức khỏe toàn cầu/Sức khỏe cộng đồng	Bác sĩ Y Khoa
28	Vũ Anh Dũng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý hoạt động quốc tế	Marketing
29	Đỗ Linh Anh		Thạc sĩ	Quản trị – Quản lý	Giáo dục Khai phóng
30	Lindhorst Stephen Jeffrey		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Giáo dục Khai phóng
31	Jason Andrew Picard	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Lịch sử học	Giáo dục Khai phóng
32	David Koh Wee Hock		Tiến sĩ	Tâm lý học	Tâm lý học
33	Billy Michael Wheeler		Tiến sĩ	Triết học	Giáo dục Khai phóng
34	Nhữ Đình Ngọc Anh		Thạc sĩ	Giáo dục	Giáo dục Khai phóng
35	Anupama Devendrakumar		Tiến sĩ	Kinh tế	Giáo dục Khai phóng
36	Michael John Clark		Tiến sĩ	Triết học	Giáo dục Khai phóng
37	Trịnh Thị Thúy Liên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giáo dục Khai phóng
38	Tran Khai Hoai		Tiến sĩ	Triết học	Giáo dục Khai phóng
39	Myles Liam Lynch		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Khai phóng
40	Nguyễn Hồng Hải		Tiến sĩ	Khoa học chính trị	Giáo dục Khai phóng
41	Leisz Stephen Joseph	Giáo sư	Tiến sĩ	Địa lý	Giáo dục Khai phóng
42	Collin James		Tiến sĩ	Triết học	Giáo dục Khai phóng
43	Lê Duy Anh		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế học
44	Kevin David Harrison	Giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Giáo dục Khai phóng

45	Bùi Thanh Tường Thụy		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Giáo dục Khai phóng
46	Daniel Peter Ruelle		Thạc sĩ	Quản lý dự án	Giáo dục Khai phóng
47	Evans John Philip	Giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính	Quản trị kinh doanh
48	HỒ HỒNG HẢI		Tiến sĩ	Kinh doanh, tài chính	Quản trị kinh doanh
49	Kyunghwa Chung (Jenny)	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Marketing	Marketing
50	Lê Thị Phương Dung	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị du lịch khách sạn	Marketing
51	Nguyễn Thị Mai Lan	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính	Tài chính
52	Phí Thị Linh Giang	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị du lịch	Quản trị kinh doanh
53	Jin Suk Park	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị Quốc tế	Quản trị kinh doanh
54	Trịnh Việt Dũng		Tiến sĩ	Marketing	Marketing
55	Lee Sang Hoon	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính Kinh tế	Tài chính
56	Kramer Marc David		Thạc sĩ	Quản lý	Quản trị kinh doanh
57	Nguyễn Thị Hương Liên		Tiến sĩ	Phát triển Quốc tế	Quản trị kinh doanh
58	Vanhove David Rene Joffre			Quản trị kinh doanh	Quản trị khách sạn
59	Phạm Tuấn Minh	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Hoạt động nghiên cứu	Quản trị kinh doanh
60	Lê Mai Lan		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Quản trị kinh doanh
61	Phan Thị Thục Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế/ Quản lý	Quản trị kinh doanh
62	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hành vi tổ chức & Quản lý nguồn nhân lực	Quản trị kinh doanh
63	Laurent Marc El Ghaoui	Giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ sư	Khoa học Máy tính
64	Phạm Ngọc Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật Điện tử	Kỹ thuật Điện tử
65	Đỗ Danh Cường	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật Điện tử	Kỹ thuật Điện tử
66	Đỗ Thọ Trường		Tiến sĩ	Kỹ thuật Cơ khí	Kỹ thuật Cơ khí
67	Phạm Huy Hiệu	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính
68	Trần Thị Mai	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Vật Lý	Khoa học Máy tính
69	Lê Văn Quỳnh	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý quang tử	Kỹ thuật Điện tử
70	Wong Kok Seng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính
71	Lê Duy Dũng		Tiến sĩ	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính
72	Wray Lindsay Buntine		Tiến sĩ	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính
73	Nguyễn Văn Định	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Điện Tử - Viễn Thông	Kỹ thuật Điện tử
74	Đoàn Đăng Khoa	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học Máy tính	Khoa học máy tính
75	Kamel Nidal	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Xử lý tín hiệu thống kê	Khoa học máy tính
76	Nguyễn Vũ Linh	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí

77	Nguyễn Ngọc Doanh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính
78	Nguyễn Đăng Tùng	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	Kỹ thuật Cơ khí
79	Hajjar Ahmad Alain	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Cơ khí – Xây dựng	Kỹ thuật Cơ khí
80	Thái Mai Thành	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật y sinh	Kỹ thuật Điện tử
81	Chu Thi Mai Hong	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Toán học	Khoa học Máy tính
82	Văn Nguyễn Hưng Hoàng	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính
83	Phùng Thị Việt Bắc	Trợ lý giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học Toán Lý	Khoa học Máy tính

1 Thực hiện từ năm 2024

2 Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo.